

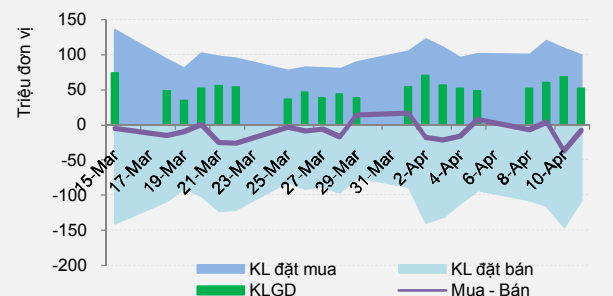
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 11/4/2013

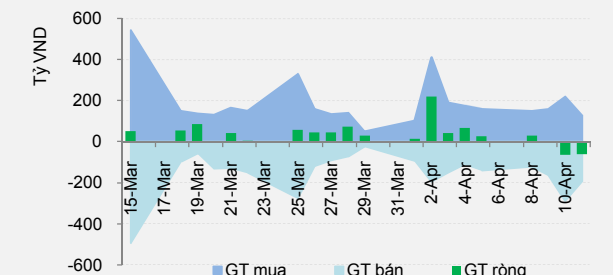
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	504.1	61.1
% Thay đổi	↑ 1.5%	↑ 1.2%
KLGD (CP)	52,044,150	45,669,149
GTGD (tỷ đồng)	1,128.42	289.80
Tổng cung (CP)	107,216,070	67,886,700
Tổng cầu (CP)	99,337,140	65,939,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	9,006,730	14,811,310
KL mua (CP)	5,354,300	14,395,700
GTmua (tỷ đồng)	129.72	43.27
GT bán (tỷ đồng)	191.52	47.42
GT ròng (tỷ đồng)	(61.80)	(4.15)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.45%	7.7	1.5	1.3%
Công nghiệp	↑ 0.12%	17.6	1.0	11.6%
Dầu khí	↑ 1.30%	5.9	1.0	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 2.02%	8.4	1.4	1.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.16%	7.6	2.5	0.2%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.10%	13.4	5.6	16.1%
Ngân hàng	↑ 1.87%	5.7	1.4	10.1%
Nguyên vật liệu	↑ 1.02%	8.4	2.1	12.8%
Tài chính	↑ 0.77%	24.9	2.6	32.0%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 4.02%	10.6	3.5	12.2%
VN - Index	↑ 1.52%	14.0	3.3	79.9%
HNX - Index	↑ 1.24%	14.5	1.4	20.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	517,770	1.0%	625,520	1.2%
GTGD (triệu VND)	9,996	0.9%	20,643	1.8%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau phiên giảm điểm rất mạnh hôm qua thị chỉ số VN-Index đã có phiên hồi trở lại với mức tăng khá mạnh. Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm khá mạnh so với phiên hôm qua cho thấy lực cầu sụt giảm khi chỉ số VN-Index tăng điểm. Chỉ báo RSI cũng đang cho tín hiệu phân kỳ cảnh báo đảo chiều. Bên cạnh đó thị sàn HNX cũng chưa cho tín hiệu tích cực khi mà đồng thời cho thấy sự sụt giảm của lực cầu trong phiên hôm nay. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì chúng tôi đánh giá việc mua vào ở thời điểm hiện tại là khá rủi ro vì vậy nhà đầu tư xem xét giữ tỷ trọng tiền mặt ở mức cao.

- VN-Index tăng điểm khá mạnh lên mức 504.07 điểm, tăng 7.57 điểm tương ứng với mức 1.52% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 46.97 triệu đơn vị, giảm 27.07% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 61.08 điểm, tăng 0.75 điểm tương ứng với mức 1.24% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 31.32 triệu đơn vị, giảm 40.12% so với phiên trước.

- Đa số cổ phiếu Bluechip có vốn hóa lớn đều tăng điểm trong phiên hôm nay. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như GAS tăng 4.55%, VNM tăng 1.59%, VCB tăng 1.37%, STB tăng 6.47%...

- Ngày mai 12/4, NHNN tiếp tục chào bán 52,000 lượng vàng cho các tổ chức đăng ký giao dịch vàng miếng với NHNN. Sau 5 phiên đấu thầu trước đó, NHNN đã bán ra 118,200 lượng vàng, tương đương khoảng 4.55 tấn. NHNN cho biết đã đập 10 tấn vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Như vậy, lượng vàng hiện NHNN còn trong kho là khoảng 141,700 tấn. Thực tế những phiên đấu thầu gần đây cho thấy NHNN đang đẩy nhanh tiến độ hoạt động đấu thầu, qua việc tăng số lượng chào bán. Động thái này cũng là hợp lý khi giá vàng Thế giới đang giảm khá mạnh.

- Theo tài liệu ĐHCĐ của Vinaconex, Công ty sẽ trình cổ đông thông qua việc chuyển nhượng 70% vốn điều lệ của xi măng Cẩm Phả cho đối tác nước ngoài. Giá bán không thấp hơn giá trị vốn chủ sở hữu của xi măng Cẩm Phả. Bên mua sẽ trả tiền mua cổ phần cho Vinaconex và bơm trực tiếp cho xi măng Cẩm Phả để tái cơ cấu nợ vay, thông qua việc trả trước các khoản nợ vay của nước ngoài, trả các khoản nợ vay có lãi suất cao. Hiện Vinaconex đã phải trả nợ thay cho Xi măng Cẩm Phả số tiền 2,393 tỷ đồng.

- Đến hết năm 2012, lỗ lũy kế của xi măng Cẩm Phả là 1,588 tỷ đồng (chưa kể lỗ 213 tỷ đồng chênh lệch tỷ giá), so với vốn điều lệ là 1,990 tỷ đồng. Như vậy, giá trị vốn chủ còn lại của Xi măng Cẩm Phả là 402 tỷ đồng, tương đương với khoảng 2,020 VND/CP. Hiện chưa rõ giá bán cổ phiếu Xi măng Cẩm Phả mà Vinaconex đàm phán, dù Vinaconex tuyên bố giá bán sẽ cao hơn mức trên. Việc Công ty có thể bán thành công nhà máy Xi măng Cẩm Phả là thông tin tích cực, giúp 1/ cải thiện tình hình tài chính của Công ty; 2/ giảm áp lực lỗ, khi thị trường xi măng chưa có nhiều cải thiện, trong khi chi phí lãi vay của Xi măng Cẩm Phả rất lớn.

- Tổng huy động trái phiếu Chính phủ trong Quý 1/2013 đạt 62,852 tỷ đồng, tăng hơn 11,000 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Các NHTM trong nước chiếm tỷ trọng trúng thầu cao nhất (80.12%), tiếp theo là các ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính và một phần nhỏ công ty chứng khoán. Dòng tiền tiếp tục quan tâm đến kênh trái phiếu, dù lãi suất tiếp tục xu hướng giảm, hiện lãi suất kỳ hạn 3 năm đã xuống dưới 8%. Kết thúc quý I, tăng trưởng huy động vốn qua kênh trái phiếu Chính phủ là 3.8%, cao gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2011.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Sideway	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm khá mạnh lên mức 504.07 điểm, tăng 7.57 điểm tương ứng với mức 1.52% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây.

Nhận định: Sau phiên giảm điểm rất mạnh hôm qua thì chỉ số VN-Index đã có phiên hồi trở lại với mức tăng khá mạnh. Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm khá mạnh so với phiên hôm qua cho thấy lực cầu sụt giảm khi chỉ số VN-Index tăng điểm. Chỉ báo RSI cũng đang cho tín hiệu phân kỳ cảnh báo đảo chiều. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì chúng tôi đánh giá việc mua vào ở thời điểm hiện tại là khá rủi ro vì vậy nhà đầu tư xem xét giữ tỷ trọng tiền mặt ở mức cao.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 61.08 điểm, tăng 0.75 điểm tương ứng với mức 1.24% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh và sau đó tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh với khối lượng đột biến.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm qua trendline.

Nhận định: Sau phiên giảm điểm ngày hôm qua thì chỉ số HNX-Index đã hồi lại với mức tăng điểm nhẹ. Tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm mạnh cho thấy lực cầu sụt giảm khi chỉ số HNX-Index tăng điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì chúng tôi đánh giá việc mua vào ở thời điểm hiện tại là khá rủi ro vì vậy nhà đầu tư xem xét giữ tỷ trọng tiền mặt ở mức cao.



Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Khuyến nghị đang mở

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
SII	09/04/2013		Mua	15.2	18	14.5	15	-1.32

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tăng điểm trở lại khi lực cầu tại nhóm cổ phiếu Bluechips cải thiện sau phiên giảm mạnh trước đó. Khối ngoại tiếp tục phiên bán ròng trên sàn HOSE, tập trung tại nhóm cổ phiếu Bluechips thuộc danh mục của hai quỹ ETF (FTSE và VNM). Tuy nhiên, chúng tôi duy trì quan điểm nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ suất cổ tức năm 2012 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	2,018	2.26%	76,039	2,156	20,265	3.60%	8.74%	57.50	7,999	1.34	6.12	6.03%
VIC	1,847	124.93%	153,294	2,041	15,071	3.44%	18.42%	31.36	3,974	0.46	4.25	-5.97%
PVI	389	11.80%	11,697	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.65	3,323	0.76	0.60	-7.74%
BVH	1,431	19.17%	515,492	1,981	17,802	3.00%	11.34%	26.24	3,184	2.41	2.92	-14.29%
HAG	365	-68.73%	781,667	649	18,150	1.23%	3.65%	37.88	2,881	1.55	1.36	-12.03%
GMD	115	1808.36%	806,846	945	40,143	1.52%	2.40%	38.11	2,471	1.52	0.90	25.00%
HPG	1,031	-16.63%	801,350	2,385	19,294	5%	13%	11.45	2,207	1.55	1.41	2.66%
KDC	357	30.45%	53,551	2,243	25,076	6.24%	9.02%	21.76	2,190	0.30	1.95	7.16%
PVD	1,448	35.66%	306,330	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.16	1,382	1.31	1.28	-6.14%
VNM	5,819	37.97%	279,498	6,981	18,578	32.99%	41.61%	18.34	1,277	0.66	6.89	21.15%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	2,018	2.26%	76,039	2,156	20,265	3.60%	8.74%	57.50	5,967	1.34	6.12	6.03%
VNM	5,819	37.97%	279,498	6,981	18,578	32.99%	41.61%	18.34	5,199	0.66	6.89	21.15%
GAS	10,102	70.84%	719,116	5,175	14,350	21.61%	38.71%	11.11	5,072	0.86	4.01	18.53%
FPT	1,985	18.04%	200,788	5,670	22,574	10.57%	26.32%	6.91	3,181	1.02	1.74	0.76%
PVD	1,448	35.66%	306,330	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.16	2,043	1.31	1.28	-6.14%
DPM	3,068	-1.17%	548,754	7,985	23,579	30.36%	35.11%	5.65	1,975	1.20	1.91	-2.64%
BVH	1,431	19%	515,492	1,981	17,802	3.00%	11.34%	26.24	1,726	2.41	2.92	-14.29%
PVS	1,263	-11.02%	1,309,409	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.36	1,568	0.72	0.67	-9.62%
HAG	365	-68.73%	781,667	649	18,150	1.23%	3.65%	37.88	1,497	1.55	1.36	-12.03%
HPG	1,031	-16.63%	801,350	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.45	1,393	1.55	1.41	2.66%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TỶ SUẤT CỔ TỨC NĂM 2012 CAO NHẤT

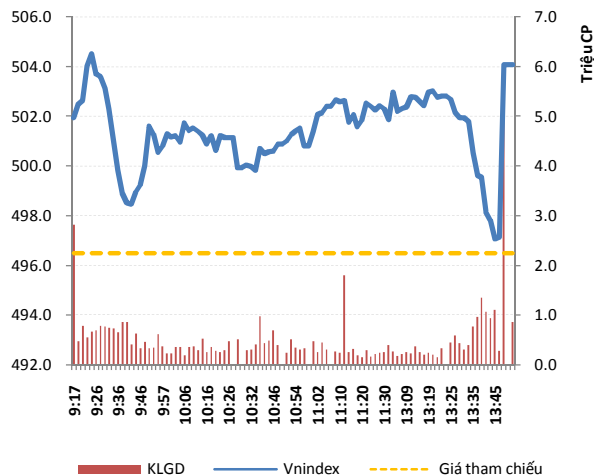
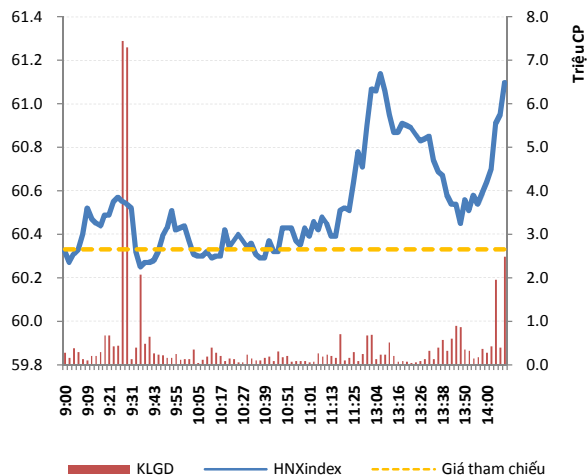
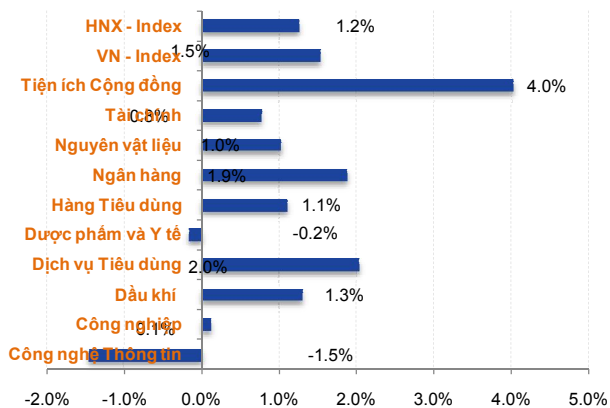
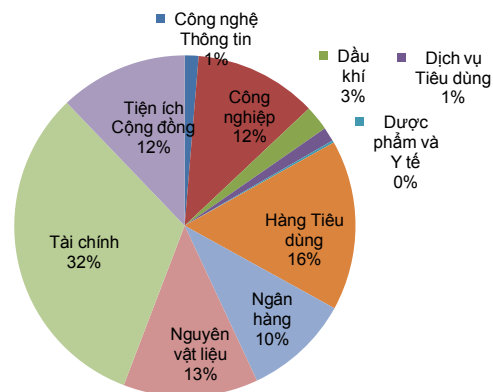
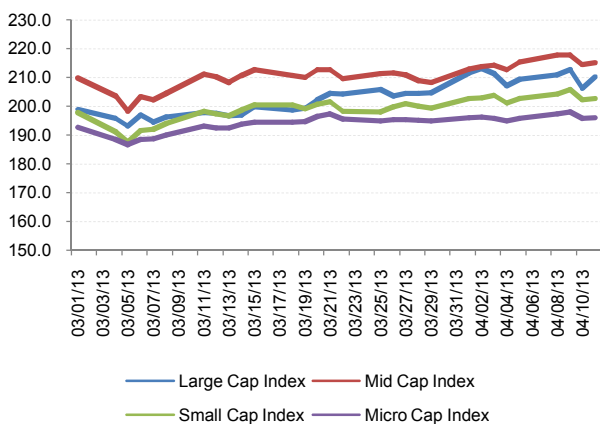
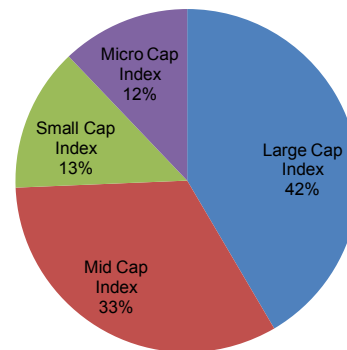
Mã CK	LN 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Tỷ suất cổ tức
NHS	81	1.52%	37,933	6,179	17,930	10.80%	19.98%	2.09	1	0.01	0.72	46.5%
QST	3	-4.15%	1,100	1,775	14,061	7.55%	15.10%	4.90	1	-0.58	0.62	36.8%
BCE	52	-9.55%	55,270	1,718	12,465	7.25%	13.75%	4.77	1	0.42	0.66	36.6%
HBD	2	-62.23%	1,170	1,587	13,568	7.09%	10.54%	5.17	0	0.30	0.60	36.6%
CMS	17	40.95%	11,687	6,765	13,591	8.99%	32.02%	1.63	2	1.08	0.81	36.4%
VC5	7	-47.92%	3,774	1,493	19,127	1.05%	7.76%	3.82	6	0.59	0.30	35.1%
VCC	16	26%	16,761	2,697	15,678	3.41%	17.58%	3.82	4	0.77	0.66	35.0%
KKC	9	-33.28%	4,843	1,849	14,870	4.75%	11.05%	4.81	2	0.74	0.60	33.7%
KTS	28	-58.58%	3,707	5,473	32,168	15.47%	23.54%	3.29	0	0.57	0.56	33.3%
SBC	26	1393.09%	9,295	2,304	17,687	4.37%	12.38%	5.29	2	0.05	0.69	32.8%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 11/04/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KDC	187,470	IJC	1,222,240
2	MBB	115,780	DPM	523,860
3	KSA	113,200	VCB	351,820
4	GAS	102,570	PPC	331,700
5	DQC	87,000	KBC	321,030

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	280,200	VCG	398,600
2	VND	99,000	PVX	298,400
3	SCR	53,000	PVS	225,800
4	SDT	43,600	EID	30,000
5	PGS	42,000	NBC	11,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	18.5	18.3	↓ -1.08%	2,715,430
GAS	55.0	57.5	↑ 4.55%	2,217,170
ITA	6.8	6.8	→ 0.00%	2,108,990
VIC	63.0	64.0	↑ 1.59%	1,733,050
CSM	32.9	34.0	↑ 3.34%	1,731,990

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PHS	2.9	3.0	↑ 3.45%	13,804,700
SHB	6.9	7.0	↑ 1.45%	8,534,516
SCR	7.5	7.6	↑ 1.33%	3,037,200
PVX	4.6	4.7	↑ 2.17%	2,621,905
SHS	6.8	6.8	→ 0.00%	1,742,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
BTP	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
LM8	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
CMX	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
NBB	22.2	23.7	1.5	↑ 6.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
HLC	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
PXA	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
OCH	16.5	18.1	1.6	↑ 9.70%
SCL	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJS	17.4	14.0	-3.4	↓ -19.54%
VES	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
VHG	4.1	3.8	-0.3	↓ -7.32%
VLF	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
NLG	18.7	17.4	-1.3	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
KST	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
L62	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
FDT	34.1	30.7	-3.4	↓ -9.97%
VCS	10.1	9.1	-1.0	↓ -9.90%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	2,715,430	9.0%	1,329	13.8	1.2
GAS	2,217,170	38.7%	5,175	11.1	4.0
ITA	2,108,990	0.6%	72	94.4	0.5
VIC	1,733,050	18.4%	2,041	31.4	4.2
CSM	1,731,990	32.0%	4,766	7.1	2.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PHS	13,804,700	-44.5%	(3,263)	-	0.5
SHB	8,534,516	22.0%	2,761	2.5	0.7
SCR	3,037,200	4.0%	622	12.2	0.5
PVX	2,621,905	-47.8%	(3,714)	-	0.7
SHS	1,742,700	4.1%	308	22.0	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSG	↑ 12.5%	-1082.5%	(5,318)	(0.2)	(0.6)
BTP	↑ 7.0%	13.5%	2,094	5.9	0.8
LM8	↑ 6.9%	28.2%	4,810	2.9	0.7
CMX	↑ 6.9%	1.8%	213	29.1	0.5
NBB	↑ 6.8%	15.3%	9,613	2.5	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THV	↑ 12.5%	-174.5%	(5,865)	(0.2)	5.2
HLC	↑ 10.0%	13.6%	1,737	7.0	0.9
PXA	↑ 10.0%	-49.5%	(4,170)	(0.5)	0.3
OCH	↑ 9.7%	8.7%	961	18.8	1.6
SCL	↑ 9.7%	-9.3%	(1,186)	(2.9)	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	187,470	9.0%	2,242	21.8	1.9
MBB	115,780	20.5%	2,426	5.4	1.0
KSA	113,200	5.4%	739	14.7	0.8
GAS	102,570	38.7%	5,175	11.1	4.0
DQC	87,000	6.3%	2,231	11.6	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	280,200	22.0%	2,761	2.5	0.7
VND	99,000	7.3%	787	11.6	0.8
SCR	53,000	4.0%	622	12.2	0.5
SDT	43,600	17.0%	4,487	3.0	0.5
PGS	42,000	19.5%	3,981	4.6	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	108,963	38.7%	5,175	11.1	4.0
VNM	106,691	41.6%	6,981	18.3	6.9
MSN	85,223	8.7%	2,156	57.5	6.1
VCB	68,364	12.5%	2,236	13.2	1.6
VIC	59,401	18.4%	2,041	31.4	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,566	7.5%	988	16.8	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
PVS	6,254	18.4%	3,211	4.4	0.7
SHB	6,203	22.0%	2,761	2.5	0.7
VCG	4,947	2.0%	291	38.5	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.28	-10.4%	(1,503)	-	0.5
BVH	2.17	11.3%	1,981	26.2	2.9
ITA	1.95	0.6%	72	94.4	0.5
LAF	1.93	-97.0%	(10,332)	-	0.8
HSG	1.87	20.1%	4,027	10.2	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3.30	2.0%	291	38.5	1.0
S96	3.11	-5.9%	(455)	-	0.4
SHN	3.08	-88.1%	(3,921)	-	0.4
SCR	3.00	4.0%	622	12.2	0.5
PSG	2.93	-176.9%	(7,179)	-	1.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)